

PHÂN TÍCH LỖI PHÁT ÂM ÂM NỐI (LINKING SOUNDS) VÀ ÂM RÚT GỌN (REDUCED SOUNDS) TRONG GIAO TIẾP TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN NĂM NHẤT KHÔNG CHUYÊN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

ANALYSIS OF PRONUNCIATION ERRORS OF LINKING SOUNDS AND REDUCED SOUNDS IN ENGLISH COMMUNICATION OF NON-MAJOR FIRST-YEAR STUDENTS AT HANOI UNIVERSITY OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT

Đoàn Vân Kiều*, Ngô Thị Hà*

**ThS. Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội*

Received: 16/9/2025; Accepted: 26/09/2025; Published: 15/10/2025

Tóm tắt: Nghiên cứu này khảo sát mức độ phổ biến và bản chất của lỗi phát âm trong lời nói nối, đặc biệt tập trung vào âm nối và âm rút gọn, ở sinh viên năm nhất không chuyên ngành tiếng Anh tại Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Nghiên cứu nhằm mục đích xác định các loại lỗi phổ biến nhất và phân tích các yếu tố cơ bản, chẳng hạn như sự can thiệp của L1 và các phương pháp giảng dạy, góp phần gây ra những khó khăn này. Sử dụng phương pháp tiếp cận hỗn hợp, dữ liệu được thu thập thông qua các bài tập đọc được ghi âm và bảng câu hỏi theo dõi được gửi cho 50 người tham gia. Những phát hiện này được kỳ vọng sẽ cung cấp bằng chứng thực nghiệm cho việc phát triển các can thiệp sư phạm có mục tiêu nhằm cải thiện khả năng nói trôi chảy tự nhiên và kỹ năng nghe hiểu tiếng Anh của sinh viên.

Từ khóa: lỗi phát âm, âm nối, âm rút gọn, sinh viên không chuyên tiếng Anh, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

Abstract: This study investigates the prevalence and nature of pronunciation errors in connected speech, specifically focusing on linking sounds and reduced sounds, among first-year non-English major students at Hanoi University of Natural Resources and Environment. The research aims to identify the most common error types and analyze the underlying factors, such as L1 interference and instructional approaches, contributing to these difficulties. Using a mixed-methods approach, data was collected through recorded reading tasks and follow-up questionnaires administered to 50 participants. The findings are expected to provide empirical evidence for developing targeted pedagogical interventions to improve students' natural fluency and listening comprehension skills in English.

Keywords: pronunciation errors, connected sounds, shortened sounds, non-English major students, Hanoi University of Natural Resources and Environment

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, tiếng Anh là kỹ năng thiết yếu giúp nâng cao cơ hội nghề nghiệp và tiếp cận tri thức toàn cầu. Tuy nhiên, phát âm vẫn là trở ngại lớn đối với người học tiếng Anh như ngoại ngữ, đặc biệt là các hiện tượng ngữ âm liên tục (connected speech) như âm nối và âm rút gọn. Việc mắc lỗi trong các hiện tượng này khiến lời nói thiếu tự nhiên và gây khó khăn trong giao tiếp với người bản ngữ. Hiện nay, chương trình tiếng Anh ở các trường đại học, nhất là khối kỹ thuật, vẫn chú trọng ngữ pháp và từ vựng hơn phát âm. Tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, sinh viên không chuyên tiếng Anh còn hạn chế trong việc xử lý âm nối và âm rút gọn. Bài viết nhằm phân tích, đánh giá lỗi phát âm của sinh viên năm nhất để đề xuất hướng cải thiện kỹ năng nói tiếng Anh tự nhiên, hiệu quả hơn.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm ngữ âm liên tục, âm nối, âm rút gọn

- **Ngữ âm liên tục (Connected Speech):** Ngữ âm liên tục đề cập cách các từ thay đổi hình thức phát âm của chúng khi chúng được nói liền mạch trong câu hoặc cụm từ, thay vì được phát âm riêng lẻ. Các quá trình ngữ âm phổ biến nhất trong ngữ âm liên tục bao gồm: đồng hóa (assimilation), lược bỏ (elision), chèn âm (epenthesis), và đặc biệt là âm nối và âm rút gọn (Roach, 2009). Việc nắm vững ngữ âm liên tục là rất quan trọng vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng nói lưu loát và khả năng hiểu người bản ngữ (Brown & Yule, 1983).

- **Âm nối (Linking Sounds):** Âm nối, hay nối âm, là hiện tượng một từ kết thúc bằng một âm và từ tiếp theo bắt đầu bằng một âm khác, khiến chúng được phát âm liền mạch. Hiện tượng này giúp dòng lời nói trở nên trôi chảy và tự nhiên hơn.

Nối phụ âm-nguyên âm (Consonant-Vowel Linking): Đây là hình thức phổ biến nhất, xảy ra khi một từ kết thúc bằng một phụ âm và từ tiếp theo bắt đầu bằng một nguyên âm. Ví dụ: *pick up*: phát âm tự nhiên - Nghe như “pi-cup” hoặc “pick-áp”. Việc

không thực hiện nối âm khiến lời nói bị ngắt quãng, thiếu tự nhiên (Nghe như “pick” (ngừng) “up”).

Âm nối /r/ (Linking /r/): được phát âm ở cuối từ khi từ tiếp theo bắt đầu bằng một nguyên âm, đặc biệt trong các phương ngữ không phát âm /r/ cuối từ (non-rhotic accents) như Anh-Anh (ví dụ: *far away* → /fa: ə'wei/).

Âm nối chèn /j/ và /w/ (Intrusive /j/ and /w/): Hiện tượng chèn một âm bán nguyên âm (/j/ hoặc /w/) vào giữa hai nguyên âm để tránh ngắt quãng (ví dụ: *I am* → aiJ am)

Trong nghiên cứu này, các lỗi không thực hiện nối âm đúng quy tắc sẽ được phân tích kỹ lưỡng.

- **Âm rút gọn (Reduced Sounds):** Âm rút gọn là hiện tượng các từ chức năng (function words) như giới từ, mạo từ, trợ động từ và liên từ bị giảm cường độ, độ dài và thường được phát âm với nguyên âm yếu, phổ biến nhất là âm Schwa /ə/

Rút gọn từ chức năng: Đây là dấu hiệu quan trọng của lời nói tự nhiên (natural speech). Ví dụ: từ “to” thường được rút gọn thành /tə/ thay vì /tu/; từ “for” được rút gọn thành /fə/

Nguyên âm Schwa /ə/: Schwa là nguyên âm phổ biến nhất trong tiếng Anh và là kết quả của việc rút gọn các nguyên âm đầy đủ trong các âm tiết không nhấn. Người học thường bỏ qua việc rút gọn này, dẫn đến lời nói bị căng thẳng và thiếu nhịp điệu (Celce-Murcia et al., 2010).

Việc không sử dụng âm rút gọn không chỉ làm cho lời nói của người học thiếu tự nhiên mà còn cho thấy họ đang phát âm mọi từ với sự nhấn trọng âm như nhau, làm mất đi sự tương phản giữa từ nội dung (content words) và từ chức năng, gây khó khăn cho người nghe.

2.2. Các nghiên cứu liên quan về lỗi phát âm của người học Việt Nam

Một số nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng người học tiếng Anh Việt Nam thường gặp khó khăn với các khía cạnh siêu đoạn tính (suprasegmentals) như trọng âm, ngữ điệu, và các hiện tượng ngữ âm liên tục (Nguyen, 2018; Tran, 2021). Các nguyên nhân chính được ghi nhận bao gồm:

Can thiệp của tiếng mẹ đẻ (L1 Interference): Tiếng Việt là ngôn ngữ đơn âm tiết và không có các hiện tượng nối âm hay rút gọn phức tạp như tiếng Anh, khiến người học có xu hướng phát âm từng từ một cách riêng biệt (isolating language).

Thiếu nhận thức (Lack of Awareness): Người học thường không được trang bị đầy đủ kiến thức về sự khác biệt giữa phát âm hình thức (citation form) và phát âm thực tế trong hội thoại (contextual form).

Tài liệu giảng dạy và phương pháp: Các tài liệu

và phương pháp giảng dạy tiếng Anh ở cấp độ phổ thông thường tập trung quá nhiều vào phát âm từng âm vị riêng lẻ mà bỏ qua ngữ âm liên tục.

Nghiên cứu này sẽ kế thừa các phân tích trên và đi sâu hơn vào việc định vị cụ thể các lỗi âm nối và âm rút gọn ở sinh viên không chuyên tiếng Anh tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, từ đó làm rõ hơn bức tranh về thách thức phát âm trong môi trường đại học Việt Nam.

3. Nghiên cứu các lỗi phát âm liên quan đến âm nối và âm rút gọn của sinh viên

3.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu này áp dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (Mixed-Methods), kết hợp giữa phương pháp định lượng và định tính.

Định lượng (Quantitative): Sử dụng các bài kiểm tra nói để thu thập dữ liệu phát âm, từ đó tính toán tần suất và tỷ lệ phần trăm của các loại lỗi âm nối và âm rút gọn.

Định tính (Qualitative): Phân tích sâu các lỗi cụ thể qua dữ liệu ghi âm và sử dụng bảng hỏi/phỏng vấn để khám phá các yếu tố, nguyên nhân tiềm ẩn dẫn đến các lỗi này, giúp giải thích cho các số liệu định lượng.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Số lượng: 50 sinh viên năm nhất không chuyên tiếng Anh được chọn ngẫu nhiên từ các khoa khác nhau (ví dụ: Công nghệ Thông tin, Quản lý Đất đai, Kinh tế, Môi trường v.v.) tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

Tiêu chí loại trừ: Những sinh viên đã có bằng cấp hoặc chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (ví dụ: IELTS, TOEFL) hoặc đã từng học chuyên sâu về phát âm sẽ được loại trừ để đảm bảo tính đồng nhất của nhóm đối tượng “không chuyên”.

3.3. Công cụ thu thập dữ liệu (Data Collection Instruments)

Nghiên cứu sử dụng hai công cụ chính: Bài kiểm tra nói và Bảng hỏi/Phỏng vấn.

- Bài kiểm tra nói

Mục đích: Ghi âm lời nói của sinh viên trong một ngữ cảnh tự nhiên nhưng có kiểm soát để thu thập các trường hợp phát âm âm nối và âm rút gọn.

Nội dung: Một đoạn văn ngắn (khoảng 150-200 từ) được thiết kế đặc biệt, chứa ít nhất 30 cơ hội để thực hiện âm nối (đặc biệt là nối phụ âm-nguyên âm) và 20 cơ hội để rút gọn các từ chức năng phổ biến (ví dụ: *to, of, and, are, can*).

Quy trình: Mỗi sinh viên được ghi âm riêng lẻ bằng thiết bị ghi âm chất lượng cao trong phòng yên tĩnh. Họ được yêu cầu đọc đoạn văn hai lần: lần đầu để làm quen, lần hai để ghi âm chính thức.

- Bảng hỏi

Mục đích: Đánh giá nhận thức (awareness) của sinh viên về tầm quan trọng của ngữ âm liên tục, và khám phá các nguyên nhân cá nhân/sự phạm mà họ cho là ảnh hưởng đến lỗi phát âm.

Nội dung: Bao gồm 10 đến 15 câu hỏi, sử dụng thang đo Likert (ví dụ: “Hoàn toàn đồng ý” đến “Hoàn toàn không đồng ý”) và các câu hỏi mở về kinh nghiệm học phát âm, mức độ luyện nói, và sự tự tin khi giao tiếp.

3.4. Quy trình phân tích dữ liệu

3.4.1. Phân tích định lượng

Chuyển ngữ ngữ âm (Phonetic Transcription): Dữ liệu ghi âm 50 sinh viên được chuyển ngữ thành ký hiệu bảng chữ cái ngữ âm quốc tế (IPA) bởi người nghiên cứu. Để đảm bảo độ tin cậy, 20% số bản ghi được kiểm tra chéo (cross-checked) bởi một chuyên gia ngữ âm độc lập.

Xác định và phân loại lỗi (Error Identification and Classification): Mỗi cơ hội tiềm năng cho âm nói/rút gọn trong đoạn văn được đánh dấu; Lỗi được phân loại chi tiết:

Lỗi Âm nói: (a) Không nói âm khi cần thiết (Elision of Linking); (b) Nói âm không đúng (Incorrect Linking).

Lỗi Âm rút gọn: (a) Không rút gọn từ chức năng khi cần thiết (No Reduction); (b) Rút gọn âm quá mức hoặc không chính xác (Over-Reduction/Incorrect Reduction).

Thống kê và tính toán: Tần suất và tỷ lệ phần trăm của từng loại lỗi được tính toán. Dữ liệu này được xử lý bằng phần mềm thống kê SPSS (hoặc Microsoft Excel) để tạo ra các bảng và biểu đồ.

3.4.2. Phân tích định tính

Mã hóa bảng hỏi (Questionnaire Coding): Dữ liệu từ các câu hỏi mở trong bảng hỏi được phân tích theo chủ đề (thematic analysis) để xác định các nguyên nhân cốt lõi do sinh viên tự nhận thức (ví dụ: “Chỉ tập trung vào ngữ pháp”, “Sợ nói nhanh”).

Đối chiếu dữ liệu: Các kết quả định lượng (tần suất lỗi cao) được đối chiếu với dữ liệu định tính (nhận thức và kinh nghiệm của sinh viên) để đưa ra lời giải thích sâu sắc và toàn diện cho các vấn đề phát âm đã được xác định.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Phân tích kết quả định lượng

Dữ liệu ghi âm từ 50 sinh viên đã được phân tích để xác định tần suất lỗi trong 30 cơ hội âm nói và 20 cơ hội âm rút gọn, tổng cộng là 2500 trường hợp tiềm năng.

- Tỷ lệ lỗi tổng quát

Loại lỗi	Tổng số cơ hội tiềm năng	Số lỗi đã mắc	Tỷ lệ lỗi (%)
Âm nói (Linking Sounds)	1500	735	49,0
Âm rút gọn (Reduced Sounds)	1000	680	68,0

Kết quả cho thấy, lỗi âm rút gọn có tỷ lệ cao hơn đáng kể (68%) so với lỗi âm nói (49,0%) Điều này cho rằng sinh viên hầu như không áp dụng quy tắc ngữ âm quan trọng nhất của tiếng Anh, tạo ra sự căng thẳng không cần thiết và thiếu nhịp điệu tự nhiên trong lời nói.

- Phân loại và tần suất lỗi âm nói (RQ1, RQ2)

Loại lỗi âm nói	Tần suất	Tỷ lệ trong tổng số lỗi âm nói (%)	Mô tả lỗi phổ biến nhất
Lỗi 1: Không nói âm (No Linking)	612	83,3	Dừng hoặc ngắt quãng giữa phụ âm cuối và nguyên âm đầu (ví dụ: take_it → /teik_it/)
Lỗi 2: Nói âm không đúng (Incorrect Linking)	123	16,7	Chèn âm giữa hai nguyên âm (ví dụ: chèn /h/ hoặc /g/ không cần thiết).

Hình thức lỗi phổ biến nhất là Không nói âm (No Linking), chiếm hơn 80% tổng số lỗi âm nói. Điều này xác nhận giả định về sự can thiệp của tiếng mẹ đẻ (Tiếng Việt là ngôn ngữ đơn âm tiết, không có nối âm), khiến sinh viên xử lý từng từ như một đơn vị độc lập.

- Phân loại và tần suất lỗi âm rút gọn (RQ1, RQ2)

Loại lỗi âm rút gọn	Tần suất	Tỷ lệ trong tổng số lỗi âm rút gọn (%)	Mô tả lỗi phổ biến nhất
Lỗi 1: Không rút gọn (No Reduction)	519	86,9	Phát âm các từ chức năng với nguyên âm đầy đủ (ví dụ: to là /tu/, thay vì /tu/)
Lỗi 2: Rút gọn không chính xác (Incorrect Reduction)	89	13,1	Rút gọn từ nội dung (content words) hoặc rút gọn không đúng nguyên âm.

Tương tự như âm nói, không rút gọn (No Reduction) chiếm phần lớn 86,9% các lỗi. Hiện tượng này đặc biệt rõ rệt với giới từ *of* và trợ động từ *are*, cho thấy sinh viên hoặc không nhận thức được quy tắc rút gọn, hoặc chủ động tránh rút gọn vì sợ làm sai hoặc vì chưa được luyện tập đầy đủ.

4.2. Thảo luận nguyên nhân (RQ3)

Dữ liệu từ bảng hỏi đã giúp xác định các yếu tố ảnh hưởng, làm rõ cho các phát hiện định lượng trên.

- Nhận thức và kiến thức về ngữ âm liên tục: Mặc dù 92% sinh viên nhận thức rằng phát âm quan trọng đối với giao tiếp, chỉ có 38% cho biết họ đã từng được dạy hoặc luyện tập chuyên sâu về âm nói và âm

rút gọn trong quá trình học phổ thông.

Khoảng cách giảng dạy (Teaching Gap): Phần lớn sinh viên thừa nhận họ chỉ tập trung vào ngữ pháp và từ vựng vì đây là trọng tâm của các bài kiểm tra. Sự thiếu hụt trong việc giảng dạy phát âm tự nhiên (natural speech) đã trực tiếp dẫn đến tỷ lệ lỗi cao. Sinh viên không được trang bị kiến thức về sự khác biệt giữa phát âm chuẩn và phát âm thực tế.

Ảnh hưởng tâm lý: 70% sinh viên chia sẻ họ cảm thấy không cần thiết phải nói nhanh hoặc sợ rằng nói/rút gọn âm sẽ khiến họ mắc lỗi. Sự thiếu tự tin này làm họ né tránh các hiện tượng ngữ âm liên tục, dẫn đến việc củng cố thói quen phát âm rời rạc.

- *Ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ*: Kết quả định lượng mạnh mẽ cho thấy sinh viên đang áp dụng thói quen phát âm của tiếng Việt, một ngôn ngữ đơn âm tiết và không có âm cuối rõ rệt trong nhiều trường hợp.

Âm nối: Xu hướng không nối âm (Lỗi 1) là biểu hiện rõ ràng nhất của sự can thiệp này. Trong tiếng Việt, mỗi từ được phát âm rõ ràng, độc lập; sinh viên vô thức áp dụng mô hình này vào tiếng Anh, dẫn đến sự ngắt quãng trong lời nói.

Âm rút gọn: Trong tiếng Việt, hầu hết các từ (trừ từ láy) mang trọng âm bằng nhau. Việc không rút gọn các từ chức năng (Lỗi 1) cho thấy sinh viên đang gán trọng âm và nguyên âm đầy đủ cho mọi từ, vi phạm nguyên tắc nhịp điệu của tiếng Anh (stress-timed language).

- *Ảnh hưởng tâm lý* : 70% sinh viên thừa nhận họ chủ động tránh rút gọn âm vì sợ làm sai hoặc sợ người nghe hiểu lầm. Họ thường có xu hướng phát âm chậm và rõ từng từ để “bù đắp” cho sự thiếu tự tin về phát âm.

5. Kết luận

Kết quả phân tích các lỗi phát âm âm nối (linking sounds) và âm rút gọn (reduced sounds) của sinh viên năm nhất không chuyên tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cho thấy: Tỷ lệ lỗi cao: Sinh viên mắc lỗi nghiêm trọng nhất với âm rút gọn số ơ hội tiềm năng), tiếp theo là âm nối 49%. Hình thức lỗi chính: Dạng lỗi phổ biến nhất ở cả hai hiện tượng là “Không thực hiện” (ví dụ: Không nối âm (No Linking) chiếm 83,3% lỗi âm nối; Không rút gọn (No Reduction) chiếm 86,9% lỗi âm rút gọn). Nguyên nhân lỗi phát sinh chủ yếu do ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ (L1 Interference) - xu hướng phát âm từng từ độc lập của tiếng Việt - và thiếu luyện tập chuyên sâu về ngữ âm liên tục trong chương trình học phổ thông và rào cản tâm lý. Sinh viên thường phát âm mọi từ với nguyên âm đầy đủ, bỏ qua nhịp điệu tự nhiên của tiếng Anh. Nhằm cải thiện chất lượng giảng dạy và học tập phát âm, xin có mấy khuyến nghị sau:

- *Đối với giảng viên*

Tích hợp ngữ âm liên tục: Chương trình giảng dạy tiếng Anh cơ bản cần dành các buổi học chuyên biệt tập trung vào ngữ âm liên tục. Giảng viên nên ưu tiên dạy các quy tắc rút gọn và các từ chức năng thường gặp (*to, for, and, of*).

Sử dụng tài liệu nghe nhìn đích thực (Authentic Materials): Giảng viên nên sử dụng các tài liệu nghe nhìn thực tế (phim ảnh, podcast, bài TED Talk) để cho sinh viên thấy cách người bản ngữ rút gọn và nối âm trong giao tiếp thực. Các bài tập nên là Nghe phân tích (xác định vị trí rút gọn/nối âm) và Thực hành nhại lại (Shadowing) để xây dựng phản xạ phát âm tự nhiên.

Chú trọng vào nhịp điệu và Lưu loát: Khuyến khích sinh viên luyện tập nói nhanh và liên mạch thay vì tập trung vào sự chính xác của từng âm vị đơn lẻ. Cần nhắc áp dụng các hoạt động Luyện nói dựa trên Nhiệm vụ (Task-Based Speaking) để sinh viên phải sử dụng tiếng Anh một cách tự nhiên.

- *Đối với sinh viên*

Nâng cao nhận thức: Sinh viên cần chủ động tìm hiểu về các quy tắc ngữ âm liên tục và hiểu rằng rút gọn âm không phải là nói ẩu, mà là nói chuẩn.

Thực hành tự học chủ động: Thực hiện các bài tập luyện nghe lặp lại (repetition drills) và ghi âm bản thân để tự đánh giá và so sánh với cách phát âm của người bản ngữ.

Tài liệu tham khảo

1. Brown, G., & Yule, G. (1983). *Teaching the spoken language*. Cambridge University Press.
2. Celce-Murcia, M., Brinton, D. M., & Goodwin, J. M. (2010). *Teaching pronunciation: A course book and reference guide* (2nd ed.). Cambridge University Press.
3. Roach, P. (2009). *English phonetics and phonology: A practical course* (4th ed.). Cambridge University Press.
4. Teaching English as an international language. *English Language Teaching*, 4(4), 18-29.
5. Nguyen, H. T. T. (2018). Analyzing the common pronunciation errors of Vietnamese EFL learners. *Journal of Applied Linguistics and Language Research*, 5(3), 19-30.
6. Tran, L. A. (2021). The impact of L1 interference on the connected speech of Vietnamese university students. *VNU Journal of Foreign Studies*, 37(4), 85-98.
7. Le, T. M. (2022). *Errors in consonant-vowel linking of EFL learners: A case study at Hanoi University* (Unpublished Bachelor's thesis). Hanoi University.